

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 454/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để tổ chức đại hội Đảng
các cấp năm 2015**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 3079/BTC-NSNN ngày 10 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ 1.415.723 triệu đồng (một ngàn bốn trăm mười lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu đồng) cho các địa phương (theo phụ lục đính kèm) từ dự toán chi quản lý hành chính của ngân sách trung ương năm 2015 để tổ chức đại hội Đảng các cấp ở địa phương như đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 3079/BTC-NSNN ngày 10 tháng 3 năm 2015. Việc quản lý và sử dụng số kinh phí bổ sung thực hiện theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo phụ lục đính kèm) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTg, các Phó Thủ tướng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
các Vụ: TH, KGVX, TKBT, HC;
- Lưu: VT, KTTH (3).



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

**KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẢNG
CÁC CẤP NĂM 2015**

*(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2015
của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương được hỗ trợ	NSTW hỗ trợ
	Tổng cộng	1.415.723
1	Hà Giang	33.022
2	Tuyên Quang	23.221
3	Cao Bằng	35.045
4	Lạng Sơn	35.261
5	Lào Cai	28.132
6	Yên Bái	28.660
7	Thái Nguyên	28.970
8	Bắc Kạn	22.314
9	Phú Thọ	40.860
10	Bắc Giang	33.640
11	Hòa Bình	33.517
12	Sơn La	33.970
13	Lai Châu	21.415
14	Điện Biên	25.451
15	Hải Phòng	18.156
16	Quảng Ninh	16.081
17	Hải Dương	30.018
18	Hưng Yên	21.154
19	Vĩnh Phúc	11.711
20	Bắc Ninh	10.786
21	Hà Nam	15.162
22	Nam Định	26.074
23	Ninh Bình	18.702
24	Thái Bình	28.778
25	Thanh Hóa	69.750
26	Nghệ An	53.732
27	Hà Tĩnh	30.668
28	Quảng Bình	20.270
29	Quảng Trị	20.124
30	Thừa Thiên – Huế	20.022
31	Đà Nẵng	7.651
32	Quảng Nam	34.614
33	Quảng Ngãi	26.413